

TỜ TRÌNH

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2019

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 13/11/2008, Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và các văn bản Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 86/BNV-TCBC ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-BNV ngày 17/8/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019;

UBND Thành phố báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2018 và kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2019 của Thành phố như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 17/NQ-HĐND NGÀY 05/12/2017 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

1. Về tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp

Ngày 08/12/2017, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 8586/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi, ngân sách năm 2018 của thành phố Hà Nội, trong đó giao chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị theo đúng số biên chế HĐND Thành phố giao. Việc giao chỉ tiêu biên chế được thực hiện khoa học, kịp thời để các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Số thực hiện trong năm luôn thấp hơn số HĐND Thành phố giao.

2. Về tổ chức thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và tinh giản biên chế

2.1. Về triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, UBND Thành phố tham mưu Thành ủy ban hành Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 27/01/2018; phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy xây dựng Kế hoạch số 70-KH/TU ngày

25/01/2018 triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trên cơ sở các Kế hoạch số 70-KH/TU và 72-KH/TU của Thành ủy, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 25/02/2018 thực hiện “Năm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị 2018”; Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 về Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội; đồng thời quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả. Đến nay, các Sở ban ngành, UBND quận huyện thị xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố đều đã ban hành Kế hoạch triển khai và quyết liệt tổ chức thực hiện theo Kế hoạch của Thành ủy và UBND Thành phố.

2.2. Về thực hiện tinh giản biên chế và xây dựng cơ chế đặc thù khuyến khích tinh giản biên chế

Trong 09 tháng đầu năm 2018, Thành phố đã giải quyết tinh giản biên chế 202 người theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, lũy kế thực hiện từ năm 2015 đến nay là 13 đợt, tinh giản 761 người (125 công chức, 517 viên chức, 110 công chức cấp xã, 09 lao động hợp đồng 68).

Để đẩy mạnh tinh giản biên chế nhằm cơ cấu lại đội ngũ, Thành phố đã xây dựng cơ chế đặc thù khuyến khích tự nguyện nghỉ tinh giản biên chế, hoàn thành xin ý kiến các Bộ ngành, cơ quan đơn vị và đã báo cáo Chính phủ. Ngày 31/8/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 113/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về tinh giản biên chế, trong đó đã tiếp thu, bổ sung 4/5 nhóm đối tượng tự nguyện tinh giản biên chế do thành phố Hà Nội đề xuất.

3. Về tổ chức bộ máy

3.1. Về sắp xếp, kiện toàn cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp

Tiếp theo kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của năm 2017, năm 2018 UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu việc sắp xếp các đơn vị hành chính, sự nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII. Đến nay, Thành phố cơ bản hoàn thành sắp xếp, kiện toàn các tổ chức theo Nghị quyết HĐND Thành phố, cụ thể: Giải thể cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố và thành lập Phòng Công tác giải phóng mặt bằng thuộc Văn phòng UBND Thành phố; ban hành Quyết định thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép tại Quyết định số 26/2018/QĐ-TTg ngày 22/6/2018; kiện toàn Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; tổ chức lại Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện và Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã; Quyết định thành lập Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội và Quyết định thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Y tế dự phòng Hà

Nội; Kiện toàn, sắp xếp 102 Ban chỉ đạo thuộc UBND Thành phố còn 28 Ban chỉ đạo, giảm 74 ban (72,5%).

Qua theo dõi đánh giá: các cơ quan, đơn vị sắp xếp đều sớm đi vào ổn định, công tác tư tưởng được triển khai tốt, bộ máy hành chính gọn nhẹ và hiệu quả hơn, cơ bản không có đơn thư. Các Sở, UBND quận, huyện, thị xã sau khi được kiện toàn, đã tập trung mạnh mẽ vào triển khai thực hiện: xây dựng, hoàn thiện các quy chế làm việc; quy trình giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; nâng cao dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Ngoài ra, UBND Thành phố đã báo cáo, xin ý kiến Ban Chỉ đạo Thành phố quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và đang tổ chức thực hiện: sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các trung tâm bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội; sắp xếp 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Quy hoạch kiến trúc sang Viện Quy hoạch xây dựng quản lý; xây dựng mô hình Trung tâm Điều hành thông minh Thành phố. Các Sở được giao nhiệm vụ đang hoàn thiện Đề án, Thành phố dự kiến ban hành các Quyết định sắp xếp trong Quý IV/2018.

3.2. Về rà soát tổ chức bộ máy thôn, tổ dân phố; tăng cường kiêm nhiệm các chức danh; nâng cao hiệu quả hoạt động của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại cuộc họp ngày 21/8/2017, Thành phố không thành lập thêm tổ dân phố, đồng thời chỉ đạo tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy thôn, tổ dân phố, lực lượng cán bộ công chức xã, người làm việc không chuyên trách tinh gọn và hiệu quả. Thành phố hiện có 2.550 thôn, 5.420 tổ dân phố; 11.901/13.870 cán bộ công chức xã (bằng 85,8% định mức), 9.190/12.171 người hoạt động không chuyên trách cấp xã (bằng 75,5% định mức), 37.970 /42.945 người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ (bằng 88,4% định mức).

Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Nội vụ tham mưu sửa đổi Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 và Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. Trong khi chờ Văn bản trung ương sửa đổi, UBND Thành phố cũng đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy (được giao chủ trì) khảo sát thực hiện Đề án về thực trạng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố. Hiện đang triển khai thực hiện thí điểm tại quận Long Biên, bước đầu đã có kết quả tốt.

3.3. Về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, sang công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 18/6/2018 giao đơn vị sự nghiệp tự chủ đợt 01 giai đoạn 2018-2021 là 196 đơn vị/257 đơn vị cần thực hiện theo chỉ tiêu 10% đơn vị tự chủ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Để đảm bảo thực hiện chỉ tiêu Trung ương giao, UBND

Thành phố đang chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ tiếp tục rà soát các đơn vị và có phương án giao tự chủ thêm tối thiểu 61 đơn vị còn thiếu.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, số 31/2017/QĐ-TTg về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; UBND Thành phố có văn bản số 768/UBND-KT ngày 27/2/2018 đề xuất 05 đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2017-2020 và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại

Văn bản số 745/TTg-ĐMDN ngày 12/6/2018. UBND Thành phố đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa và đang triển khai công tác cổ phần hóa.

4. Về quản lý, sử dụng biên chế

UBND Thành phố đã phê duyệt toàn bộ Đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan đơn vị rà soát cơ cấu công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm, thực hiện nghiêm việc sắp xếp theo đúng khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm đã được Thành phố phê duyệt (bằng cấp chuyên môn, kinh nghiệm công tác, khả năng đáp ứng công việc...). Bước đầu đã phát huy được trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và sở trường công tác của từng cán bộ; các cán bộ có thể thực hiện các công việc có tính tương tác, hỗ trợ lẫn nhau trong chuyên môn nghiệp vụ, sẵn sàng làm ở các vị trí khác nhau để thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ hoặc thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.

Công tác tuyển dụng, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được tổ chức đảm bảo đúng quy định. Năm 2018, Thành phố đã tổ chức nâng ngạch công chức 45 trường hợp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức 1.306 trường hợp; sát hạch vào công chức 57 trường hợp trường hợp tốt nghiệp Đại học loại Giỏi, loại Xuất sắc ở nước ngoài, người có kinh nghiệm công tác từ đủ 05 năm trở lên; đang chỉ đạo Sở Nội vụ rà soát để tuyển dụng viên chức giáo viên, công chức cấp xã đảm bảo triển khai công việc Thành phố giao.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng theo Đề án “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020”; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm gắn với việc hoàn thiện, bổ sung kiến thức theo vị trí việc làm. Năm 2018, Thành phố cử đi đào tạo sau đại học và hỗ trợ kinh phí đối với 102 trường hợp công chức, viên chức; bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn ở nước ngoài 69 trường hợp. Thành phố tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở theo Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 09/10/2017, đã tổ chức 03 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý cho đối tượng là Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn theo tinh thần đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng (học tập trung 32 ngày/lớp); 01 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý đối với lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc Thành phố.

Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức của Thành phố có nhiều đổi mới. Trách nhiệm của người đứng đầu trong đánh giá, phân loại cán bộ, công chức được đề cao. Từ cuối năm 2017, đã thực hiện việc Giám đốc các sở chuyên ngành

chấm điểm Trưởng các phòng chuyên môn cấp sở và UBND cấp huyện, Chủ tịch cấp huyện chấm điểm Chủ tịch cấp xã...để thêm một kênh thông tin hỗ trợ cho công tác đánh giá cán bộ. Đặc biệt, thực hiện Quyết định số 3814-QĐ/TU ngày 16/5/2018 của Thành ủy về ban hành Quy định khung tiêu chí đánh giá hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội, Thành phố đã chỉ đạo quyết liệt thực hiện. Đến nay, việc đánh giá, xếp loại hằng tháng trong cơ quan đã đi vào nề nếp, kết quả đánh giá, xếp loại hằng tháng của cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng là căn cứ để bình xét khen thưởng hằng tháng; là căn cứ chính để đánh giá, xếp loại thi đua đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hằng năm. Đây còn là cơ sở để bố trí, sử dụng, quy hoạch, đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với theo quy định và theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin được tăng cường để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước. Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 13/02/2018 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội năm 2018 và tổ chức thực hiện nhằm tiếp tục đẩy mạnh triển khai và khai thác có hiệu quả các ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước Thành phố để phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp; triển khai xây dựng một số thành phần cơ bản của Thành phố thông minh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác điều hành xã hội của cơ quan quản lý nhà nước, từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân và năng lực cạnh tranh của Thành phố.

5. Về công tác thanh tra, kiểm tra

Năm 2018, Sở Nội vụ đã thực hiện thanh tra nội vụ 04 đơn vị về công tác quản lý biên chế, tiền lương, bổ nhiệm, tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức, người lao động; kiểm tra công vụ đối với 34 đơn vị gồm 01 Sở, 31 UBND xã, phường, 02 đơn vị hiệp quản thuộc các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố; kiểm tra có báo trước đối với 26 cơ quan, đơn vị (gồm 02 Sở; 07 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành phố; 07 quận, huyện và 12 xã, phường, thị trấn).

Qua thanh tra, kiểm tra đã kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, lề lối tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thái độ, hành vi ứng xử trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan thuộc thành phố Hà Nội. Đồng thời, trên cơ sở kết quả kiểm tra, UBND Thành phố đã ban hành 02 Văn bản số 4099/UBND-NC ngày 05/9/2018 chỉ đạo thống nhất nguyên tắc quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp; Văn bản số 4730/UBND-NC ngày 04/10/2018 chỉ đạo tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2018.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2019

1. Quan điểm và căn cứ xây dựng kế hoạch

Quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII; thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu 10%.

1.1. Biên chế công chức hành chính

- Biên chế công chức năm 2019 thực hiện giảm 2%, đúng theo số biên chế Bộ Nội vụ giao tại Quyết định số 1896/QĐ-BNV ngày 17/8/2018.

- Biên chế được phân bổ cho các sở ngành, quận, huyện, thị xã trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, đề án vị trí việc làm và công việc được giao.

1.2. Biên chế viên chức sự nghiệp

- Biên chế viên chức năm 2019 thực hiện theo đúng số Bộ Nội vụ đã thẩm định giao năm 2018 và số phải giảm hàng năm giai đoạn 2018-2021 (Văn bản thẩm định số 86/BNV-TCBC ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ)

- Biên chế được phân bổ cụ thể như sau:

+ Đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế: Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 39-NQ/TW và Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, đồng thời đảm bảo thực hiện được các mục tiêu giáo dục, y tế theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI đã đề ra, thực hiện giao biên chế đúng định mức quy định tại các Thông tư của Bộ ngành, có tính đến khả năng tuyển sinh, chiều hướng phát triển trong thời gian tới.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài giáo dục, y tế: Thực hiện giảm 2% biên chế viên chức giao năm 2015 theo chủ trương tinh giản biên chế và giảm biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

+ Tập trung chuyển mạnh các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ, làm cơ sở giảm chi ngân sách, giảm biên chế.

1.3. Chỉ tiêu lao động hợp đồng định mức (giao cho lực lượng Thanh tra Xây dựng, Thanh tra giao thông)

- Đối với lực lượng Thanh tra giao thông: Thực hiện điều chuyển 170 chỉ tiêu định mức sang chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, xây dựng bổ sung 02 vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ là “Nhân viên hỗ trợ đảm bảo an toàn giao thông” và “Điều khiển phương tiện đường thủy nội địa”, với bản mô tả và khung năng lực cụ thể, nhằm hỗ trợ cho thanh tra viên và công chức được giao nhiệm vụ thanh tra thực thi nhiệm vụ được giao.

- Đối với lực lượng Thanh tra xây dựng: Do Thành phố đang trong giai đoạn thực hiện thí điểm tổ chức Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận huyện thị xã trực thuộc UBND cấp huyện (02 năm) theo Quyết định số 26/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị tạm thời giữ nguyên để đảm bảo thực thi nhiệm vụ. Giao UBND quận huyện từng bước giảm dần lao động định mức thông qua tuyển dụng công chức cấp huyện hoặc công chức cấp xã ở những nơi có nhu cầu.

1.4. Chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (gồm nhân viên bảo vệ, lái xe, tạp vụ, kỹ thuật điện nước)

Thực hiện chủ trương tinh giản theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, giảm chỉ tiêu lái xe tại các cơ quan hành chính được giao thí điểm khoán xe công. Đối với chỉ tiêu hợp đồng 68 tại đơn vị sự nghiệp, thực hiện giảm 405 người theo Văn bản thẩm định số 86/BNV-TCBC của Bộ Nội vụ.

2. Kế hoạch sử dụng biên chế năm 2019

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của Thành phố trong năm 2019 và căn cứ nêu trên, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố xem xét về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp của Thành phố năm 2019 như sau:

2.1. Biên chế hành chính: 9.906 biên chế, trong đó:

a. Biên chế công chức: 8.227 biên chế (trong đó dự phòng: 17 biên chế), giảm 664 biên chế so với năm 2018. Số giao đúng theo biên chế của Bộ Nội vụ giao năm 2019 và giảm trừ biên chế của Chi cục quản lý thị trường thuộc Sở Công thương do đã bàn giao về Bộ Công thương.

Điều chỉnh biên chế của một số cơ quan, đơn vị do chuyển chức năng, nhiệm vụ và thực hiện theo đề án vị trí việc làm *(có biểu chi tiết kèm theo)*.

b. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.437 chỉ tiêu, tăng 79 chỉ tiêu so với năm 2018 (do điều chuyển 170 chỉ tiêu định mức lực lượng giao thông, giảm 08 chỉ tiêu từ cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo GPMB giải thể, giảm 83 chỉ tiêu từ Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công thương).

c. Lao động hợp đồng theo định mức: 242 chỉ tiêu (giữ nguyên chỉ tiêu định mức lực lượng thanh tra xây dựng).

2.2. Biên chế sự nghiệp: 143.969 biên chế, trong đó:

a. Biên chế viên chức: 123.765 biên chế (dự phòng: 36 biên chế), giảm 3.692 biên chế so với năm 2018, gồm:

- Tăng 1.340 biên chế cho lĩnh vực giáo dục, y tế, cụ thể:

+ Tăng 1.115 biên chế giáo dục, gồm: tăng 735 biên chế khối THCS, tăng 1.260 biên chế khối tiểu học, giảm 818 biên chế khối mầm non, giảm 56 biên chế khối đại học và cao đẳng, giảm 6 biên chế khối THPT.

+ Tăng 225 biên chế khối Bệnh viện chưa tự chủ do tăng giường bệnh.

- Giảm 5.032 biên chế, gồm:

+ Giảm 240 biên chế theo tỷ lệ giảm 2% đơn vị sự nghiệp khác và do chuyển biên chế viên chức sang định mức/hợp đồng 68.

+ Giảm 4.792 biên chế do chuyển đơn vị sang tự chủ chi thường xuyên khối bệnh viện thuộc Sở Y tế.

Sau khi được HĐND Thành phố thông qua, UBND Thành phố sẽ phê duyệt danh sách các đơn vị thực hiện tự chủ theo đúng Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có điều chỉnh một số cơ quan đơn vị để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ và theo vị trí việc làm *(có biểu chi tiết kèm theo)*.

b. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 11.274 chỉ tiêu, giảm 294 chỉ tiêu so với năm 2018, do chuyển chỉ tiêu theo các đơn vị tự chủ và giảm do sắp xếp tổ chức bộ máy.

c. Lao động hợp đồng theo định mức: 8.930 chỉ tiêu. Giảm 391 chỉ tiêu nhân viên nuôi dưỡng tương ứng theo số giảm học sinh khối mầm non năm 2019.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6,7 khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn và hiệu quả, trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. Sắp xếp các cơ quan chuyên môn theo tinh thần sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP về tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

3. Tập trung các giải pháp chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo thực hiện chỉ tiêu đến năm 2021 tại Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, thí điểm mô hình tự chủ đối với các Trường Trung học phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Xây dựng cơ chế, định mức khoán chi thường xuyên, thực hiện thí điểm chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị của Thành phố theo Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 khóa XII.

5. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định 113/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 108/2014/NĐ-CP, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

6. Nâng cao hiệu quả của đề án vị trí việc làm được phê duyệt; chú trọng công tác tuyển dụng; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước.

7. Tổ chức thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố sau khi được Hội đồng nhân dân phân bổ biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2019.

8. Tăng cường thanh tra, kiểm tra về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, chế độ chính sách của các cơ quan, đơn vị; việc chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót, sai phạm; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, KH&ĐT, Tài chính;
- VPUBNDTP: CVP, các PCVP, TH, NC, TKBT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung



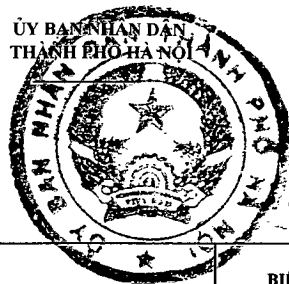
KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số: ~~174~~ /TTr-UBND ngày 16 / 11 /2018 của UBND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2018				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2018				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2019				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2018				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
	Tổng cộng toàn Thành phố	10 661	8 891	1 358	412	9 627	8 051	1 168	408	9 906	8 227	1 437	242	- 755	- 664	79	- 170	
I	Khối Sở ngành	4 991	4 034	770	187	4 472	3 610	675	187	4 303	3 429	857	17	- 688	- 605	87	- 170	
1	Văn phòng UBND Thành phố	207	153	54		200	145	55		207	153	54						
2	Văn phòng HĐND Thành phố	66	52	14		58	44	14		67	53	14		1	1			
3	Sở Thông tin và Truyền thông	86	73	13		70	64	6		85	72	13		- 1	- 1			
4	Sở Nội vụ	171	130	41		138	108	30		169	128	41		- 2	- 2			
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	792	611	181		738	561	177		782	601	181		- 10	- 10			
6	Sở Công Thương	796	693	103		747	655	92		148	128	20		- 648	- 565	- 83		
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	178	161	17		173	158	15		180	163	17		2	2			
8	Sở Tài chính	243	225	18		211	205	6		243	225	18						
9	Sở Xây dựng	252	212	23	17	228	189	22	17	248	208	23	17	- 4	- 4			
10	Sở Giao thông Vận tải	727	436	121	170	635	359	106	170	718	427	291		- 9	- 9	170	- 170	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	124	105	19		103	87	16		122	103	19		- 2	- 2			
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	169	155	14		149	137	12		166	152	14		- 3	- 3			
13	Sở Giáo dục và đào tạo	154	134	20		129	112	17		151	131	20		- 3	- 3			
14	Sở Y tế	190	157	33		153	130	23		187	154	33		- 3	- 3			
15	Sở Văn hóa và Thể thao	129	113	16		114	101	13		127	111	16		- 2	- 2			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2018				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2018				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2019				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2018				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
16	Sở Du lịch	65	56	9		46	40	6		64	55	9		- 1	- 1			
17	Sở Tư pháp	86	76	10		77	70	7		86	76	10						
18	Sở Ngoại vụ	42	34	8		36	28	8		41	33	8		- 1	- 1			
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	185	169	16		164	151	13		187	171	16		2	2			
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	107	92	15		92	77	15		106	91	15		- 1	- 1			
21	Thanh tra Thành phố	127	119	8		123	116	7		125	117	8		- 2	- 2			
22	Ban Dân tộc	29	21	8		28	20	8		29	21	8						
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	66	57	9		60	53	7		65	56	9		- 1	- 1			
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 648	4 843	580	225	5 155	4 441	493	221	5 586	4 781	580	225	- 62	- 62			
1	Quận Hoàn Kiếm	233	192	28	13	214	175	26	13	229	188	28	13	- 4	- 4			
2	Quận Hai Bà Trưng	266	204	32	30	229	173	26	30	262	200	32	30	- 4	- 4			
3	Quận Ba Đình	209	178	18	13	188	166	9	13	206	175	18	13	- 3	- 3			
4	Quận Đống Đa	268	218	28	22	249	200	27	22	268	218	28	22					
5	Quận Tây Hồ	180	153	17	10	169	144	15	10	180	153	17	10					
6	Quận Thanh Xuân	179	151	18	10	158	134	14	10	179	151	18	10					
7	Quận Cầu Giấy	175	152	17	6	157	134	17	6	173	150	17	6	- 2	- 2			
8	Quận Hoàng Mai	207	171	17	19	194	160	15	19	207	171	17	19					
9	Quận Long Biên	196	163	13	20	170	145	5	20	194	161	13	20	- 2	- 2			
10	Quận Nam Từ Liêm	176	148	20	8	161	136	17	8	179	151	20	8	3	3			
11	Quận Bắc Từ Liêm	183	155	20	8	150	140	2	8	183	155	20	8					
12	Quận Hà Đông	205	185	20		200	180	20		202	182	20		- 3	- 3			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2018				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2018				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2019				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2018				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
13	Huyện Thanh Trì	213	185	18	10	203	176	17	10	210	182	18	10	- 3	- 3			
14	Huyện Gia Lâm	214	191	23		201	180	21		211	188	23		- 3	- 3			
15	Huyện Đông Anh	244	206	12	26	234	200	12	22	240	202	12	26	- 4	- 4			
16	Huyện Sóc Sơn	262	212	20	30	250	209	11	30	259	209	20	30	- 3	- 3			
17	Huyện Ba Vì	180	159	21		174	155	19		177	156	21		- 3	- 3			
18	Thị xã Sơn Tây	183	160	23		166	143	23		180	157	23		- 3	- 3			
19	Huyện Thạch Thất	155	143	12		145	136	9		152	140	12		- 3	- 3			
20	Huyện Phúc Thọ	146	132	14		133	123	10		143	129	14		- 3	- 3			
21	Huyện Đan Phượng	155	132	23		134	113	21		153	130	23		- 2	- 2			
22	Huyện Hoài Đức	154	142	12		136	129	7		154	142	12						
23	Huyện Quốc Oai	168	144	24		152	128	24		165	141	24		- 3	- 3			
24	Huyện Chương Mỹ	170	146	24		176	136	40		167	143	24		- 3	- 3			
25	Huyện Thanh Oai	137	125	12		118	105	13		137	125	12						
26	Huyện Thường Tín	151	138	13		149	135	14		148	135	13		- 3	- 3			
27	Huyện Ứng Hòa	159	135	24		133	117	16		157	133	24		- 2	- 2			
28	Huyện Phú Xuyên	151	136	15		128	115	13		148	133	15		- 3	- 3			
29	Huyện Mỹ Đức	163	139	24		151	129	22		160	136	24		- 3	- 3			
30	Huyện Mê Linh	166	148	18		133	125	8		163	145	18		- 3	- 3			
III	Biên chế dự phòng	22	14	8						17	17			- 5	3	- 8		



KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2019
(Kèm theo Tờ trình số: 114 /TTr-UBND ngày 16 /11 /2018 của UBND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2018				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2018				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2019				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2018				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	
	Tổng cộng toàn Thành phố	148 346	127 457	11 568	9 321	120 814	103 217	10 047	7 550	143 969	123 765	11 274	8 930	- 4 377	- 3 692	- 294	- 391	
I	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	38 786	34 684	3 879	223	26 811	23 548	3 055	208	33 694	29 859	3 608	227	- 5 092	- 4 825	- 271	4	
1	Văn phòng UBND Thành phố	30	29	1		14	14			30	29	1						
2	Sở Thông tin và Truyền thông	76	73	3		68	66	2		71	68	3		- 5	- 5			
3	Sở Nội vụ	24	24			18	17	1		24	24							
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2 096	1 778	111	207	988	692	104	192	2 078	1 760	111	207	- 18	- 18			
5	Sở Công Thương	82	70	12		60	54	6		79	70	9		- 3		- 3		
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	41	39	2		37	35	2		40	38	2		- 1	- 1			
7	Sở Tài chính	20	17	3		8	6	2		20	17	3						
8	Sở Xây dựng	80	70	10		59	55	4						- 80	- 70	- 10		
9	Sở Giao thông Vận tải	95	80	15		79	71	8		92	78	14		- 3	- 2	- 1		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	89	74	15		66	54	12		90	74	16		1		1		
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 843	1 765	1 078		2 391	1 305	1 086		2 810	1 635	1 175		- 33	- 130	97		
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 612	10 059	537	16	9 683	9 157	510	16	10 615	10 056	539	20	3	- 3	2	4	
13	Sở Y tế	20 769	18 970	1 799		11 958	10 797	1 161		15 859	14 403	1 456		- 4 910	- 4 567	- 343		
14	Sở Văn hóa và Thể thao	1 473	1 216	257		1 025	895	130		1 436	1 192	244		- 37	- 24	- 13		
15	Sở Tư pháp	173	161	12		163	154	9		173	161	12						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2018				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2018				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2019				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2018				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	159	149	10		118	114	4		156	147	9		- 3	- 2	- 1		
17	Sở Quy hoạch Kiến trúc	99	85	14		59	45	14		97	83	14		- 2	- 2			
18	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	25	25			17	17			24	24			- 1	- 1			
II	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	2 875	2 624	251		2 098	1 912	186		2 805	2 563	242		- 70	- 61	- 9		
1	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long	219	125	94		178	99	79		216	122	94		- 3	- 3			
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch Thành phố	110	98	12		85	76	9		110	98	12						
3	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	79	75	4		51	48	3		77	73	4		- 2	- 2			
4	Trường Đại học Thủ đô	386	371	15		259	250	9		386	371	15						
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	149	143	6		117	115	2		146	143	3		- 3		- 3		
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	247	233	14		169	161	8		227	213	14		- 20	- 20			
7	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	203	191	12		140	132	8		184	177	7		- 19	- 14	- 5		
8	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	187	177	10		161	152	9		187	177	10						
9	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	177	172	5		148	146	2		177	172	5						
10	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	161	146	15		125	110	15		144	129	15		- 17	- 17			
11	Trường Cao đẳng Điện tử Điện lạnh Hà Nội	164	158	6		90	85	5		164	158	6						
12	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du lịch Hà Nội	160	152	8		137	132	5		160	152	8						
13	Trường Cao đẳng Công nghệ Môi trường Hà Nội	83	73	10		62	54	8		83	73	10						
14	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	258	250	8		183	179	4		252	245	7		- 6	- 5	- 1		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2018				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2018				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2019				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2018				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
15	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	202	190	12		133	126	7		202	190	12						
16	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	90	70	20		60	47	13		90	70	20						
III	Khối Hội được giao biên chế	472	373	34	65	436	344	29	63	472	373	31	68			- 3	3	
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12	19	7	2	10	23	9	2	12					
2	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2		10	8	2		16	14	2						
3	Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	4	2	7	3	2	2	9	3	1	5			- 3	3	
4	Hội Chữ Thập Đỏ	21	19	2		21	19	2		21	19	2						
5	Hội Người mù	26		4	22	26		4	22	26		4	22					
6	Hội Luật gia	5	5			5	5			5	5							
7	Hội Nhà Báo	7	5	1	1	7	5	1	1	7	5	1	1					
8	Hội Đông Y	24	20	2	2	24	20	2	2	24	20	2	2					
9	Hội Khuyến học	1			1	1			1	1			1					
10	Hội cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6	8		2	6	8		2	6					
11	Liên minh hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19	48	27	2	19	48	27	2	19					
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13		260	250	10		284	271	13						
IV	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị xã	106 207	89 772	7 402	9 033	91 469	77 413	6 777	7 279	106 962	90 934	7 393	8 635	755	1 162	- 9	- 398	
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	2 030	1 716	198	116	1 673	1 427	152	94	1 993	1 674	194	125	- 37	- 42	- 4	9	
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	3 154	2 661	236	257	2 508	2 105	222	181	3 156	2 693	236	227	2	32		- 30	
3	UBND Quận Ba Đình	2 767	2 366	212	189	2 301	1 938	192	171	2 759	2 380	208	171	- 8	14	- 4	- 18	
4	UBND Quận Đống Đa	3 522	2 967	273	282	2 943	2 547	232	164	3 414	2 901	273	240	- 108	- 66		- 42	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2018				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2018				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2019				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2018				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
5	UBND Quận Tây Hồ	1 701	1 458	115	128	1 448	1 225	109	114	1 679	1 434	114	131	- 22	- 24	- 1	3	
6	UBND Quận Thanh Xuân	2 325	1 983	160	182	1 939	1 765	64	110	2 456	2 098	162	196	131	115	2	14	
7	UBND Quận Cầu Giấy	2 643	2 312	152	179	2 140	1 903	146	91	2 696	2 352	150	194	53	40	- 2	15	
8	UBND Quận Hoàng Mai	3 408	2 911	223	274	2 695	2 260	220	215	3 360	2 863	223	274	- 48	- 48			
9	UBND Quận Long Biên	3 934	3 295	249	390	3 150	2 581	218	351	3 919	3 293	249	377	- 15	- 2		- 13	
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	2 100	1 771	129	200	1 623	1 332	128	163	2 254	1 926	139	189	154	155	10	- 11	
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	2 729	2 302	156	271	2 146	1 813	156	177	2 674	2 291	158	225	- 55	- 11	2	- 46	
12	UBND Quận Hà Đông	4 382	3 711	251	420	3 768	3 327	59	382	4 713	4 035	255	423	331	324	4	3	
13	UBND Huyện Thanh Trì	3 954	3 296	290	368	3 066	2 490	280	296	4 021	3 375	296	350	67	79	6	- 18	
14	UBND Huyện Gia Lâm	3 871	3 251	286	334	3 247	2 727	224	296	3 914	3 312	287	315	43	61	1	- 19	
15	UBND Huyện Đông Anh	5 502	4 673	292	537	4 839	4 178	293	368	5 539	4 754	291	494	37	81	- 1	- 43	
16	UBND Huyện Sóc Sơn	5 532	4 661	402	469	4 738	3 966	402	370	5 540	4 724	402	414	8	63		- 55	
17	UBND Huyện Ba Vì	5 195	4 293	456	446	4 797	3 958	451	388	5 274	4 386	456	432	79	93		- 14	
18	UBND Thị xã Sơn Tây	2 287	1 937	176	174	1 906	1 714	188	4	2 322	1 969	176	177	35	32		3	
19	UBND Huyện Thạch Thất	3 704	3 160	255	289	3 427	2 939	242	246	3 699	3 168	255	276	- 5	8		- 13	
20	UBND Huyện Phúc Thọ	3 293	2 793	222	278	2 756	2 302	209	245	3 313	2 813	222	278	20	20			
21	UBND Huyện Đan Phượng	2 822	2 390	182	250	2 238	1 840	181	217	2 809	2 400	182	227	- 13	10		- 23	
22	UBND Huyện Hoài Đức	4 199	3 550	233	416	3 667	3 106	180	381	4 277	3 630	232	415	78	80	- 1	- 1	
23	UBND Huyện Quốc Oai	3 774	3 180	292	302	3 447	2 861	290	296	3 790	3 196	292	302	16	16			
24	UBND Huyện Chương Mỹ	4 854	4 117	328	409	4 434	3 770	334	330	4 893	4 173	328	392	39	56		- 17	
25	UBND Huyện Thanh Oai	3 417	2 894	220	303	3 165	2 718	210	237	3 409	2 917	210	282	- 8	23	- 10	- 21	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2018				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2018				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2019				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2018				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
26	UBND Huyện Thường Tín	4 018	3 442	268	308	3 741	3 202	267	272	4 025	3 476	268	281	7	34		- 27	
27	UBND Huyện Ứng Hòa	3 543	2 982	278	283	3 303	2 757	289	257	3 569	3 022	277	270	26	40	- 1	- 13	
28	UBND Huyện Phú Xuyên	3 996	3 376	268	352	3 623	3 057	246	320	4 003	3 402	266	335	7	26	- 2	- 17	
29	UBND Huyện Mỹ Đức	3 777	3 107	368	302	3 580	2 932	374	274	3 803	3 139	368	296	26	32		- 6	
30	UBND Huyện Mê Linh	3 774	3 217	232	325	3 161	2 673	219	269	3 689	3 138	224	327	- 85	- 79	- 8	2	
V	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	6	4	2						36	36			30	32	- 2		

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ NĂM
(từ ngày /12/2018 đến ngày /12/2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày tháng năm 2018 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2019; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2019 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 9.906 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 8.227 biên chế (gồm dự phòng 17 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.437 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 242 chỉ tiêu.

2. Biên chế sự nghiệp: 143.969 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 123.765 biên chế (gồm dự phòng: 36 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 11.274 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.930 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo đúng Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các đơn vị, địa phương chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Trong năm 2019, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả số lượng dự phòng công chức hành chính và viên chức sự nghiệp), UBND Thành phố thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2019.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6,7 khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn và hiệu quả, trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. Sắp xếp các cơ

quan chuyên môn theo tinh thần sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP về tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

4. Tập trung các giải pháp chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo thực hiện chỉ tiêu đến năm 2021 tại Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, thí điểm mô hình tự chủ đối với các Trường Trung học phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Xây dựng cơ chế, định mức khoán chi thường xuyên, thực hiện thí điểm chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị của Thành phố theo Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 khóa XII.

6. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định 113/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 108/2014/NĐ-CP, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

7. Nâng cao hiệu quả của đề án vị trí việc làm được phê duyệt; chú trọng công tác tuyển dụng; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước.

8. Tổ chức thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố sau khi được Hội đồng nhân dân phân bổ biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2019.

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, chế độ chính sách của các cơ quan, đơn vị; việc chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót, sai phạm; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH
TRONG CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2019
 (Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2018 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2019			
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
	Tổng cộng toàn Thành phố	9 906	8 227	1 437	242
I	Khối Sở ngành	4 303	3 429	857	17
1	Văn phòng UBND Thành phố	207	153	54	
2	Văn phòng HĐND Thành phố	67	53	14	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	85	72	13	
4	Sở Nội vụ	169	128	41	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	782	601	181	
6	Sở Công Thương	148	128	20	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	180	163	17	
8	Sở Tài chính	243	225	18	
9	Sở Xây dựng	248	208	23	17
10	Sở Giao thông Vận tải	718	427	291	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	122	103	19	
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	166	152	14	
13	Sở Giáo dục và đào tạo	151	131	20	
14	Sở Y tế	187	154	33	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	127	111	16	
16	Sở Du lịch	64	55	9	
17	Sở Tư pháp	86	76	10	
18	Sở Ngoại vụ	41	33	8	
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	187	171	16	
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	106	91	15	
21	Thanh tra Thành phố	125	117	8	
22	Ban Dân tộc	29	21	8	
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	65	56	9	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2019			
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 586	4 781	580	225
1	Quận Hoàn Kiếm	229	188	28	13
2	Quận Hai Bà Trưng	262	200	32	30
3	Quận Ba Đình	206	175	18	13
4	Quận Đống Đa	268	218	28	22
5	Quận Tây Hồ	180	153	17	10
6	Quận Thanh Xuân	179	151	18	10
7	Quận Cầu Giấy	173	150	17	6
8	Quận Hoàng Mai	207	171	17	19
9	Quận Long Biên	194	161	13	20
10	Quận Nam Từ Liêm	179	151	20	8
11	Quận Bắc Từ Liêm	183	155	20	8
12	Quận Hà Đông	202	182	20	
13	Huyện Thanh Trì	210	182	18	10
14	Huyện Gia Lâm	211	188	23	
15	Huyện Đông Anh	240	202	12	26
16	Huyện Sóc Sơn	259	209	20	30
17	Huyện Ba Vì	177	156	21	
18	Thị xã Sơn Tây	180	157	23	
19	Huyện Thạch Thất	152	140	12	
20	Huyện Phúc Thọ	143	129	14	
21	Huyện Đan Phượng	153	130	23	
22	Huyện Hoài Đức	154	142	12	
23	Huyện Quốc Oai	165	141	24	
24	Huyện Chương Mỹ	167	143	24	
25	Huyện Thanh Oai	137	125	12	
26	Huyện Thường Tín	148	135	13	
27	Huyện Ứng Hòa	157	133	24	
28	Huyện Phú Xuyên	148	133	15	
29	Huyện Mỹ Đức	160	136	24	
30	Huyện Mê Linh	163	145	18	
III	Biên chế dự phòng	17	17		

KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2018 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2019			
		Tổng cộng	Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
	Tổng cộng toàn Thành phố	143 969	123 765	11 274	8 930
I	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	33 694	29 859	3 608	227
1	Văn phòng UBND Thành phố	30	29	1	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	71	68	3	
3	Sở Nội vụ	24	24		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2 078	1 760	111	207
5	Sở Công Thương	79	70	9	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	38	2	
7	Sở Tài chính	20	17	3	
8	Sở Giao thông Vận tải	92	78	14	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	90	74	16	
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 810	1 635	1 175	
11	Sở Giáo dục và đào tạo	10 615	10 056	539	20
12	Sở Y tế	15 859	14 403	1 456	
13	Sở Văn hóa và Thể thao	1 436	1 192	244	
14	Sở Tư pháp	173	161	12	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	156	147	9	
16	Sở Quy hoạch Kiến trúc	97	83	14	
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	24	24		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2019			
		Tổng cộng	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHD theo định mức
II	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	2 805	2 563	242	
1	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long	216	122	94	
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch Thành phố	110	98	12	
3	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	77	73	4	
4	Trường Đại học Thủ đô	386	371	15	
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	146	143	3	
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	227	213	14	
7	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	184	177	7	
8	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	187	177	10	
9	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	177	172	5	
10	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	144	129	15	
11	Trường Cao đẳng Điện tử Điện lạnh Hà Nội	164	158	6	
12	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du lịch Hà Nội	160	152	8	
13	Trường Cao đẳng Công nghệ Môi trường Hà Nội	83	73	10	
14	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	252	245	7	
15	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	202	190	12	
16	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	90	70	20	
III	Khối Hội được giao biên chế	472	373	31	68
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12
2	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2	
3	Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	1	5
4	Hội Chữ Thập Đỏ	21	19	2	
5	Hội Người mù	26		4	22
6	Hội Luật gia	5	5		
7	Hội Nhà Báo	7	5	1	1
8	Hội Đông Y	24	20	2	2
9	Hội Khuyến học	1			1
10	Hội cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2019			
		Tổng cộng	Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
11	Liên minh hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13	
IV	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị xã	106 962	90 934	7 393	8 635
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	1 993	1 674	194	125
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	3 156	2 693	236	227
3	UBND Quận Ba Đình	2 759	2 380	208	171
4	UBND Quận Đống Đa	3 414	2 901	273	240
5	UBND Quận Tây Hồ	1 679	1 434	114	131
6	UBND Quận Thanh Xuân	2 456	2 098	162	196
7	UBND Quận Cầu Giấy	2 696	2 352	150	194
8	UBND Quận Hoàng Mai	3 360	2 863	223	274
9	UBND Quận Long Biên	3 919	3 293	249	377
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	2 254	1 926	139	189
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	2 674	2 291	158	225
12	UBND Quận Hà Đông	4 713	4 035	255	423
13	UBND Huyện Thanh Trì	4 021	3 375	296	350
14	UBND Huyện Gia Lâm	3 914	3 312	287	315
15	UBND Huyện Đông Anh	5 539	4 754	291	494
16	UBND Huyện Sóc Sơn	5 540	4 724	402	414
17	UBND Huyện Ba Vì	5 274	4 386	456	432
18	UBND Thị xã Sơn Tây	2 322	1 969	176	177
19	UBND Huyện Thạch Thất	3 699	3 168	255	276
20	UBND Huyện Phúc Thọ	3 313	2 813	222	278
21	UBND Huyện Đan Phượng	2 809	2 400	182	227
22	UBND Huyện Hoài Đức	4 277	3 630	232	415
23	UBND Huyện Quốc Oai	3 790	3 196	292	302
24	UBND Huyện Chương Mỹ	4 893	4 173	328	392
25	UBND Huyện Thanh Oai	3 409	2 917	210	282

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2019			
		Tổng cộng	Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
26	UBND Huyện Thường Tín	4 025	3 476	268	281
27	UBND Huyện Ứng Hòa	3 569	3 022	277	270
28	UBND Huyện Phú Xuyên	4 003	3 402	266	335
29	UBND Huyện Mỹ Đức	3 803	3 139	368	296
30	UBND Huyện Mê Linh	3 689	3 138	224	327
V	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	36	36		